

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

KHOA: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN

-----***-----



BÀI TIỂU LUẬN

**QUY LUẬT GIÁ TRỊ VÀ SỰ BIỂU HIỆN CỦA NÓ TRONG NỀN KINH TẾ
THỊ TRƯỜNG**

Sinh viên thực hiện:

Lớp: TRI115.6

Mã sinh viên:

Giảng viên: Đặng Hương Giang

HÀ NỘI, THÁNG 04 NĂM 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
PHẦN NỘI DUNG.....	2
I. NỘI DUNG VÀ TÁC ĐỘNG CỦA QUY LUẬT GIÁ TRỊ:.....	2
1. Khái niệm về quy luật giá trị.....	2
2. Quan điểm của Mác về quy luật giá trị.....	2
2.1. Nội dung và yêu cầu chung của quy luật giá trị.....	2
2.2. Tác động của quy luật giá trị.....	3
2.3. Biểu hiện của quy luật giá trị trong tư bản tự do cạnh tranh và tư bản độc quyền.....	5
3. Một số quan điểm về giá trị trước Mác.....	6
3.1. William Petty.....	6
3.2. Adam Smith.....	6
3.3. David Ricardo.....	7
II. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ BIỂU HIỆN CỦA KINH TẾ THỊ TRƯỜNG.....	8
1. Kinh tế thị trường.....	9
1.1. Khái niệm.....	9
1.2. Các đặc điểm của nền kinh tế thị trường.....	9
2. Sự biểu hiện của quy luật giá trị trong nền kinh tế thị trường.....	9
2.1. Trong lĩnh vực sản xuất.....	10
2.2. Trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa.....	10
2.3. Nguồn nhân lực.....	11
2.4. Vốn và cơ sở hạ tầng.....	11
III. NHỮNG BIỆN PHÁP VẬN DỤNG HIỆU QUẢ QUY LUẬT GIÁ TRỊ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG.....	13
PHẦN KẾT LUẬN.....	15
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	16

PHẦN MỞ ĐẦU

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự đột phá trong tư duy và thực tiễn lãnh đạo sự nghiệp đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là vấn đề lý luận và thực tiễn mới mẻ, gắn bó giữa việc nhận thức quy luật khách quan với phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam; là kết quả của một quá trình tìm tòi, thử nghiệm lâu dài, từ chưa đầy đủ đến ngày càng đầy đủ, từ chưa sâu sắc đến ngày càng sâu sắc hơn. Nền kinh tế thị trường là nền kinh tế hàng hóa phát triển ở trình độ cao. Ở đó mọi quan hệ sản xuất và trao đổi đều được thông qua thị trường, chịu sự thay đổi điều tiết của các quy luật thị trường. Một trong số đó chính là quy luật giá trị- quy luật kinh tế căn bản và quan trọng của sản xuất và trao đổi hàng hóa. Quy luật giá trị quy định bản chất và là cơ sở của tất cả các quy luật khác của sản xuất hàng hóa, nó quy định mặt chất và sự vận động về mặt lượng của giá trị hàng hóa. Mọi hoạt động trong quá trình sản xuất và lưu thông hàng hóa đều chịu sự tác động của quy luật này. Vì vậy, tìm hiểu về quy luật giá trị và sự vận dụng của nó trong nền kinh tế thị trường cũng chính là hiểu hơn về bản chất của quy luật giá trị và mối quan hệ của nó với nền kinh tế thị trường hiện nay.

Chính vì những lí do đó em đã lựa chọn đề tài “ **Quy luật giá trị và sự biểu hiện của nó trong nền kinh tế thị trường**” nhằm mục tiêu mang lại cái nhìn sâu hơn về quy luật giá trị và sự biểu hiện của nó trong nền kinh tế thị trường để cùng tìm ra những giải pháp, hướng đi đúng đắn để đưa nền kinh tế thị trường phát triển hơn, khắc phục những nhược điểm của nền kinh tế. Với mục tiêu đó, bài tiểu luận có nhiệm vụ làm sáng tỏ hơn mối quan hệ giữa quy luật giá trị và nền kinh tế thị trường, và sự tác động qua lại giữa chúng. Đây là đề tài rất sâu rộng, mang tính thời sự. Đã có rất nhiều nhà kinh tế đề cập đến vấn đề này. Bản thân em, một sinh viên năm nhất, khi tìm hiểu về đề tài này cũng cảm thấy rất hứng thú. Tuy nhiên do sự hiểu biết còn hạn chế nên em chỉ xin đóng góp một phần nhỏ suy nghĩ của mình. Và em xin cảm ơn sự hướng dẫn và dạy dỗ tận tình qua các bài giảng của cô giáo Đặng Hương Giang, em rất mong những ý kiến nhận xét của cô để bài tiểu luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

PHẦN NỘI DUNG

I. NỘI DUNG VÀ TÁC ĐỘNG CỦA QUY LUẬT GIÁ TRỊ:

1. Khái niệm về quy luật giá trị:

Quy luật giá trị là quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất hàng hóa. Ở đâu có sản xuất và trao đổi hàng hóa thì ở đó có sự xuất hiện và hoạt động của quy luật giá trị. Mọi hoạt động của các chủ thể kinh tế trong sản xuất và lưu thông hàng hóa cũng chịu tác động và chi phối của quy luật này.

Theo quy luật giá trị, sản xuất và trao đổi hàng hóa phải dựa trên cơ sở của hao phí lao động xã hội cần thiết. Trong nền sản xuất hàng hóa, mỗi người sản xuất sẽ có hao phí lao động cá biệt nhưng giá trị của hàng hóa được quyết định bởi lao động hao phí xã hội cần thiết. Vì vậy, nếu người sản xuất muốn bán được sản phẩm thì phải điều chỉnh cho hao phí lao động của mình phù hợp với mức hao phí chung của xã hội.

2. Quan điểm của Mác về quy luật giá trị:

Sản xuất hàng hóa chịu sự tác động của nhiều quy luật kinh tế như : quy luật giá trị, quy luật cung-cầu, quy luật lưu thông tiền tệ,... Nhưng vai trò cơ sở cho sự chi phối nền sản xuất hàng hóa thuộc về quy luật giá trị.

2.1. Nội dung và yêu cầu chung của quy luật giá trị:

Quy luật giá trị yêu cầu việc sản xuất và trao đổi hàng hóa phải dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết. Nội dung này được hiểu theo hai phạm vi: sản xuất và trao đổi hàng hóa.

Trước hết, trong phạm vi sản xuất hàng hóa, người sản xuất hàng hóa có khả năng tự quyết định hao phí lao động cá biệt riêng của mình. Tuy nhiên, để bán được hàng hóa, bù đắp các khoản chi phí và tạo ra lợi nhuận thì lại phải căn cứ vào hao phí lao động xã hội. Người sản xuất hàng hóa phải tự điều chỉnh chi phí lao động cá biệt để phù hợp với hao phí lao động xã hội của hàng hóa đó. Muốn vậy, họ phải tìm cách hạ thấp giá trị cá biệt ngang bằng hoặc nhỏ hơn lượng giá trị xã hội tức là hao phí lao động cá biệt nhỏ hơn hoặc bằng hao phí lao động xã hội cần thiết.

Ví dụ: Để sản xuất ra một cái áo, người sản xuất A phải tốn chi phí lao động cá biệt là 5\$/ sản phẩm. Tuy nhiên, hao phí lao động xã hội tức là mức hao phí lao động trung bình mà xã hội chấp nhận chỉ là 4\$/ sản phẩm. Như vậy, nếu bán ra thị trường theo mức hao phí lao động cá biệt là 5\$ thì người sản xuất A không bán được hàng, quy mô sản xuất bị thu hẹp.

Tiếp theo, trong trao đổi, lưu thông hàng hóa: Nội dung quy luật giá trị yêu cầu phải tiến hành theo quy tắc ngang giá, tức là: Hai hàng hóa trao đổi được với nhau phải cùng kết tinh một lượng lao động xã hội như nhau, dựa trên hao phí lao động xã

hội cần thiết. Tuy nhiên, trong quá trình mua bán cái mà người ta quan tâm cuối cùng lại là giá cả hàng hóa chứ không phải giá trị hàng hóa. Giá cả hàng hóa là biểu hiện bề ngoài của giá trị, hay nói cách khác giá cả là biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa. Thông thường, giá trị càng lớn thì giá cả càng cao và ngược lại. Tuy nhiên, trên thực tế, giá trị hàng hóa và giá cả không nhất thiết phải bằng nhau. Mức giá cả hàng hóa còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác, chẳng hạn như quan hệ cung cầu, cạnh tranh, sức mua của đồng tiền... Giá cả chỉ bằng giá trị khi và chỉ khi thị trường cân bằng (tức là khi cung bằng cầu).

Ví dụ: Một cái áo có giá trị xã hội là 4\$, trong trường hợp thị trường cân bằng, cung bằng cầu thì trong trường hợp này nhà sản xuất sẽ bán cái áo theo đúng giá trị của nó, tức là lúc đó giá cả của cái áo bằng giá trị cái áo và bằng 4\$. Trong trường hợp cung lớn hơn cầu, tức là sản xuất dư thừa, buộc nhà sản xuất phải giảm giá cả cái áo xuống còn 3\$, khi đó giá cả hàng hóa sẽ nhỏ hơn giá trị. Ngược lại, trong trường hợp cung nhỏ hơn cầu, tức là hàng hóa khan hiếm thì giá cả sẽ cao hơn giá trị.

Như vậy, với cơ chế hoạt động và tác động của quy luật giá trị thì giá cả thị trường xoay quanh giá trị dưới tác động của quan hệ cung cầu.

2.2. Tác động của quy luật giá trị:

Quy luật giá trị có ba tác động cơ bản như sau:

a. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa:

Với trường hợp điều tiết sản xuất, ta có thể hình dung một cách đơn giản như sau: Khi giá cả thị trường biến động, người sản xuất biết được tình hình cung - cầu của từng loại hàng hóa, biết được hàng hóa nào đang có lợi nhuận cao, hàng hóa nào đang thua lỗ.

- Nếu cung bằng cầu, hàng hóa có giá trị bằng với giá trị thì người sản xuất có thể tiếp tục hoạt động sản xuất vì phù hợp với yêu cầu của xã hội.
- Nếu cung bé hơn cầu, hàng hóa đang ở trạng thái khan hiếm, giá cả cao hơn giá trị. Lúc đó, người sản xuất có nhiều lợi nhuận nên mở rộng quy mô sản xuất và cung ứng nhiều sản phẩm ra thị trường hơn nữa.
- Nếu cung lớn hơn cầu, tình trạng dư thừa hàng hóa sẽ xảy ra dẫn đến việc hàng hóa tồn ứ buộc người sản xuất phải giảm giá. Khi ấy giá cả thấp hơn giá trị, người sản xuất sẽ có ít lợi nhuận hoặc không có lợi nhuận. Vì thế họ cần phải thu hẹp quy mô sản xuất hoặc chuyển đổi mô hình sản xuất.

Ví dụ: Tại Việt Nam thời gian vừa qua, tình hình dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp, các lĩnh vực như du lịch, hàng không, nhà hàng, khách sạn chịu ảnh hưởng rất nặng nề

buộc các chủ đầu tư phải hạ giá thành sản phẩm/ dịch vụ xuống hoặc đóng cửa, chuyển đổi sang mô hình kinh doanh khác để đảm bảo hiệu quả hơn.

Một ví dụ khác, cũng trong bối cảnh dịch bệnh Covid, do tình trạng khan hiếm khẩu trang y tế nên giá cả khẩu trang tăng lên nhanh chóng. Điều này đã hấp dẫn nhiều nhà máy may chuyển đổi phương thức sản xuất từ sản xuất quần áo sang sản xuất khẩu trang y tế. Việt Nam không những đáp ứng nhu cầu khẩu trang trong nước mà còn xuất khẩu ra nhiều nước khác trên thế giới.

Nói tóm lại, điều tiết sản xuất tức là người sản xuất sản xuất ra các gì, sản xuất bằng công nghệ gì, sản xuất cho ai và mục đích cuối cùng của họ là thu về nhiều lợi nhuận nhất. Dựa vào biến động của giá cả thị trường do tác động của cung cầu người ta biết hàng nào đang thiếu hay đang thừa từ đó người sản xuất sẽ mở rộng sản xuất thu nhiều lãi và đóng cửa những mặt hàng ế thừa giá thấp.

Chúng ta sang khía cạnh thứ hai, đối với điều tiết lưu thông: Khi giá cả thị trường biến động, quy luật giá trị tác động đưa hàng hóa từ nơi có giá cả thấp sang nơi có giá cả cao, từ nơi có cung lớn hơn cầu đến nơi cung nhỏ hơn cầu. Quy luật giúp cho phân phối nguồn hàng một cách hợp lý giữa các vùng, các khu vực với nhau.

Ví dụ: Tại Hải Dương vào dịp hè lượng vải thiều rất dồi dào nhưng nếu chỉ bán ở địa phương thì sẽ không thu được lợi nhuận cao vì giá thấp do cung lớn hơn cầu. Do đó, tiểu thương và người nông dân có xu hướng vận chuyển vải thiều đến các tỉnh thành khác, các quốc gia khác có cung vải thiều nhỏ hơn cầu để bán được giá cao hơn, thu về lợi nhuận lớn hơn.

Rõ ràng, với mục đích lợi nhuận, người tham gia giao thông hàng hóa luôn vận chuyển hàng hóa từ nơi có giá cả thấp (cung > cầu) đến nơi có giá cả cao (cung < cầu). Như vậy, quy luật giá trị góp phần làm cho cung cầu hàng hóa giữa các vùng, các khu vực trở nên cân bằng, phân phối lại hàng hóa và thu nhập giữa các vùng miền, điều chỉnh sức mua của thị trường.

b. Kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, thúc đẩy lực lượng sản xuất xã hội phát triển nhanh:

Trong nền sản xuất hàng hóa, mỗi người sản xuất hàng hóa được xem là một chủ thể kinh tế độc lập, có thể tự quyết định hoạt động sản xuất và kinh doanh của mình. Trong điều kiện sản xuất khác nhau, mỗi người sản xuất hàng hóa có hao phí lao động cá biệt riêng, nhưng khi đưa ra thị trường hàng hóa lại căn cứ vào hao phí lao động xã hội. Người sản xuất có hao phí lao động cá biệt lớn hơn hao phí lao động xã hội sẽ gặp nhiều bất lợi thậm chí là thua lỗ trong kinh doanh. Ngược lại, người sản xuất có hao phí lao động cá biệt thấp hơn hao phí lao động xã hội sẽ thu về mức lợi nhuận cao hơn.

Vì thế, với mục đích đứng vững được trong thị trường cạnh tranh và nâng cao lợi nhuận, người sản xuất cần tìm cách hạ thấp hao phí lao động cá biệt so với hao phí lao động xã hội bằng cách cải tiến kỹ thuật sản xuất, nâng cao trình độ tay nghề, đổi mới phương thức quản lý, sử dụng thành tựu mới trong khoa học kỹ thuật vào sản xuất... để cải tiến công tác tổ chức sản xuất và thực hành tiết kiệm để làm giá trị cá biệt thấp nhất so với giá trị hàng hóa. Không những thế, họ còn cần cải tiến chất lượng mẫu mã hàng hóa cho phù hợp với nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng và cải tiến lưu thông để tiết kiệm chi phí lưu thông và tiêu thụ sản phẩm nhanh. Điều này cũng thúc đẩy cạnh tranh và khiến lực lượng sản xuất được thúc đẩy phát triển mạnh mẽ.

Ví dụ: Trong lĩnh vực kinh doanh điện thoại di động, để hạ thấp hao phí lao động cá biệt, các hãng điện thoại không ngừng đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật, đổi mới phương thức quản lý... Điều này đã làm cho lực lượng sản xuất phát triển, giá thành sản phẩm điện thoại ngày càng rẻ hơn, chất lượng, tính năng vượt trội hơn. Hơn nữa, ngoài việc đổi mới kỹ thuật, công nghệ sản xuất, dịch vụ chăm sóc, hậu mãi khách hàng cũng ngày càng tốt hơn.

c. Lựa chọn tự nhiên và phân hóa những người sản xuất hàng hóa thành người giàu người nghèo:

Trong sản xuất hàng hóa, những người có điều kiện sản xuất thuận lợi, có trình độ cao và nguồn vốn lớn sẽ có lượng lao động hao phí cá biệt kết tinh trong hàng hóa thấp hơn so với lượng lao động cần thiết của xã hội. Điều này khiến họ trở nên giàu có hơn. Ngược lại, những người không có các điều kiện trên hoặc gặp rủi ro dẫn đến phá sản. Tác động này đào thải cái yếu kém và kích thích các nhân tố tích cực để phân hóa sản xuất thành người giàu và nghèo, tạo điều kiện cho sự ra đời và phát triển nền sản xuất lớn, hiện đại hơn.

Ngoài ra, trong nền kinh tế thị trường thuần túy, chạy theo lợi ích cá nhân nạn đầu cơ, buôn lậu, mua bán bằng giả, khủng hoảng kinh tế là những nhân tố tác động làm gia tăng phân hóa giàu nghèo cùng những tiêu cực về kinh tế xã hội. Bởi vậy trong nền kinh tế thị trường, sự điều tiết của nhà nước sẽ làm hạn chế sự phân hóa này.

2.3. Biểu hiện của quy luật giá trị trong tư bản tự do cạnh tranh và tư bản độc quyền:

Trong tự do cạnh tranh, các doanh nghiệp tự do sản xuất nên để bán được hàng trên thị trường, các doanh nghiệp cần điều chỉnh cho hao phí cá biệt của doanh nghiệp nhỏ hơn hao phí của xã hội thì doanh nghiệp mới có lợi nhuận. Các doanh nghiệp cần cải tiến để cho hao phí của mình nhỏ hơn hao phí của xã hội. Các doanh nghiệp cạnh tranh với nhau trong nội bộ ngành và có sự cạnh tranh giữa các ngành với nhau để thu được lợi nhuận cho đến khi hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân của xã hội thì lúc này giá trị hàng hóa chuyển thành giá cả sản xuất và giá cả hàng hóa sẽ xoay quanh

giá cả sản xuất. Xét về mặt lượng, mỗi ngành sẽ có giá cả sản xuất và giá trị hàng hóa khác nhau nhưng trong toàn xã hội thì tổng giá cả sản xuất bằng với tổng giá trị. Trong quan hệ này, giá trị vẫn được xem là cơ sở, là nội dung bên trong giá cả sản xuất. Giá cả sản xuất là cơ sở của giá cả thị trường và giá cả thị trường sẽ xoay quanh giá cả sản xuất.

Trong tư bản độc quyền: Các tổ chức chiếm được vị trí độc quyền sẽ có quyền áp đặt giá cả cả, giá cả độc quyền thấp khi mua và giá cả độc quyền cao khi bán. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là quy luật giá trị thặng dư không còn hoạt động. Về thực chất, giá cả độc quyền vẫn không tách rời và không phủ định cơ sở của nó là giá trị. Các tổ chức độc quyền thi hành chính sách giá cả độc quyền thực ra họ đã chiếm đoạt một phần giá trị thặng dư của người khác và từ đó thu được lợi nhuận độc quyền cao. Nguồn gốc lợi nhuận độc quyền cao là lao động không công của công nhân ở các xí nghiệp độc quyền,... Dù trong môi trường kinh tế nào thì quy luật giá trị luôn phát huy tác dụng của mình.

3. Một số quan điểm về giá trị trước Mác:

3.1. William Petty:

William Petty (1623-1687) – một học giả lớn của Anh. Ông là người đầu tiên khai sinh ra lý luận giá trị - lao động, ông cho rằng giá trị được tạo ra từ lao động, tức nguồn gốc thực sự của của cải. Chính nhờ lao động mà những thứ có nguồn gốc tự nhiên trở nên có giá trị với con người, giúp con người không phụ thuộc vào tự nhiên.

Theo ông, nếu như giá cả tự nhiên là giá trị hàng hoá, thì giá cả nhân tạo là giá cả thị trường của hàng hoá. Giá cả nhân tạo thay đổi phụ thuộc vào giá cả tự nhiên và quan hệ cung – cầu hàng hoá trên thị trường.

Đối với W.Petty, việc phân biệt giá cả tự nhiên - hao phí lao động trong điều kiện bình thường với giá cả chính trị – lao động chi phí trong điều kiện chính trị không thuận lợi có ý nghĩa to lớn. Ông là người đầu tiên trong lịch sử đặt nền móng cho lý thuyết giá trị lao động.

Lý thuyết giá trị lao động của W.Petty còn chịu ảnh hưởng tư tưởng chủ nghĩa trọng thương. Ông có luận điểm nổi tiếng là: “Lao động là cha còn đất là mẹ của mọi của cải”. Về phương diện của cải vật chất, đó là công lao to lớn của ông, nhưng ông lại xa rời tư tưởng giá trị – lao động khi kết luận “Lao động và đất đai là cơ sở tự nhiên của giá cả mọi vật phẩm” tức là cả lao động và đất đai là nguồn gốc của giá trị.

3.2. Adam Smith:

Ông chỉ ra rằng tất cả các loại lao động sản xuất đều tạo ra giá trị, lao động là thước đo cuối cùng của giá trị. Ông phân biệt sự khác nhau giữa giá trị sử dụng và giá trị trao đổi và khẳng định giá trị sử dụng quyết định giá trị trao đổi. Ông chỉ ra lượng giá trị

hàng hoá là do hao phí lao động trung bình cần thiết quyết định và đưa ra 2 định nghĩa về giá cả là giá cả tự nhiên và giá cả thị trường. Về bản chất, giá cả thị trường là biểu hiện tiền tệ của giá trị.

Lý thuyết giá trị – lao động của A.Smith còn có hạn chế. Ông nêu lên 2 định nghĩa: Thứ nhất, giá trị do lao động hao phí để sản xuất hàng hoá quyết định. Lao động là thước đo thực tế của mọi giá trị. Với định nghĩa này, ông là người đứng vững trên cơ sở lý thuyết giá trị–lao động. Thứ hai, ông cho rằng, giá trị là do lao động mà người ta có thể mua được bằng hàng hoá này quyết định. Từ định nghĩa này, ông suy ra giá trị do lao động tạo ra chỉ đúng trong nền kinh tế hàng hoá giản đơn. Còn trong nền kinh tế TBCN, giá trị do các nguồn thu nhập tạo thành, nó bằng tiền lương cộng với lợi nhuận và địa tô. Ông cho rằng “Tiền lương, lợi nhuận, địa tô là 3 nguồn gốc đầu tiên của mọi thu nhập cũng như là của bất kỳ giá trị trao đổi nào”. Tư tưởng này xa rời lý thuyết giá trị – lao động “Giá trị là do lao động hao phí để sản xuất hàng hoá quyết định, lao động là thước đo thực tế của mọi giá trị”.

3.3. David Ricardo:

Ông phân biệt rõ hai thuộc tính của hàng hoá là giá trị sử dụng và giá trị trao đổi và chỉ rõ giá trị sử dụng là điều kiện cần thiết cho giá trị trao đổi, nhưng không phải là thước đo của nó. Ricardo đặt vấn đề là bên cạnh giá trị tương đối, còn tồn tại giá trị tuyệt đối. Giá trị trao đổi là hình thức cần thiết và có khả năng duy nhất để biểu hiện giá trị tuyệt đối. Ricardo chỉ ra là định nghĩa “Giá trị lao động hao phí quyết định” là đúng, còn định nghĩa “Giá trị lao động mà người ta có thể mua được bằng hàng hoá này quyết định” là không đúng. Theo ông, không phải chỉ trong nền sản xuất hàng hoá giản đơn mà ngay cả trong nền sản xuất lớn TBCN, giá trị vẫn do lao động quyết định.

Ricardo cũng khẳng định “Giá trị là do lao động hao phí quyết định” và cấu tạo giá trị hàng hoá bao gồm 3 bộ phận là: $c+v+m$, nhưng ông cũng chưa phân tích được sự dịch chuyển “c” vào sản phẩm mới diễn ra như thế nào. Phương pháp nghiên cứu của ông còn có tính siêu hình. Ông coi giá trị là phạm trù vĩnh viễn. Ông chưa phân biệt được giá trị hàng hoá và giá cả sản xuất, chưa thấy được mâu thuẫn giữa giá trị và giá trị sử dụng vì chưa có được lý thuyết tính hai mặt của lao động.

So với các nhà kinh tế học trước đây, học thuyết của Mác đã có một bước phát triển đáng kể đó là ông đã chỉ ra tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa là lao động cụ thể và lao động trừu tượng. Do đó, học thuyết của ông có vị trí và vai trò hết sức quan trọng trong hệ thống lý luận kinh tế chính trị học của mình đặc biệt là lý luận giá trị - lao động mà các nhà kinh tế học trước ông chưa giải quyết triệt để. Trong bộ Tư bản quyền I, Mác có viết: *“Tôi là người đầu tiên đã chứng minh một cách có phê phán tính chất hai mặt ấy của lao động chứa đựng trong hàng hóa. Vì đây là điểm xuất phát mà nhận thức của khoa kinh tế chính trị xoay chung quanh, cho nên ở đây nó cần được xem xét một cách tường tận hơn nữa”*[2, tr.85-86].

Nếu như các nhà kinh tế học trước Mác có vai trò quan trọng trong việc phân biệt rõ hai thuộc tính của hàng hóa là giá trị sử dụng (*tính có ích của một vật làm cho vật đó trở thành một giá trị sử dụng*[2, tr.75]) và giá trị (*là lao động xã hội đã vật hóa trong hàng hóa*[7, tr.126]). Các Mác cũng có những đóng góp không kém phần quan trọng khi ông cho rằng hàng hóa là sự thống nhất biện chứng của hai mặt: giá trị trao đổi và giá trị: *“giá trị sử dụng của các hàng hóa là đối tượng của một môn học đặc biệt là môn thương phẩm học. Giá trị sử dụng chỉ được thực hiện trong việc sử dụng hay tiêu dùng... Giá trị trao đổi trước hết biểu hiện ra như là một quan hệ về số lượng, là một tỷ lệ theo đó những giá trị sử dụng loại này được trao đổi với những giá trị sử dụng loại khác... giá trị trao đổi hình như là một cái gì đó ngẫu nhiên và thuần túy đối tượng, còn giá trị trao đổi nội tại, vốn có của bản thân hàng hóa...”*[2, tr.75-].

Dựa trên việc phát hiện tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa, ta thấy Các Mác đã có những bước tiến hơn so với D.Ricardo trong việc phân tích giá trị của hàng hóa một cách khoa học *“chỉ có lượng lao động xã hội cần thiết, hay thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra một giá trị sử dụng... sức sản xuất của lao động...”*[2, tr.81-83]. Như vậy, giá trị hàng hóa được tạo ra bằng sự kết tinh lượng lao động trong nó, thời gian cần thiết để tạo ra một sản phẩm, sức sản xuất của lao động (trình độ, quy trình sản xuất, quy mô...) trong điều kiện bình thường của xã hội.

Căn cứ vào quan điểm của các nhà kinh tế học cổ điển về nguồn gốc của giá trị hàng hóa là lao động và trên cơ sở phát hiện tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa. Các Mác đã chỉ ra giá trị hàng hóa do lao động trừu tượng của người sản xuất hàng hóa quyết định *“bất kỳ lao động nào, một mặt, cũng đều là sự chi phí sức lao động của con người hiểu theo nghĩa sinh lý, và chính với tính chất lao động giống của con người hay lao động trừu tượng của con người mà lao động tạo ra giá trị hàng hóa* [2, tr.95]”.

Các Mác đã đưa ra một số quan điểm mới như: lượng giá trị hàng hóa, lượng giá trị sử dụng, lượng lao động và đã phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến các yếu tố đó. Theo Marx, dùng lượng lao động, lượng của cải được kết tinh trong hàng hóa để đo được đại lượng giá trị. Yếu tố quyết định đại lượng giá trị của giá trị sử dụng ấy chính là lượng lao động xã hội cần thiết, hay thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra một giá trị sử dụng [2, tr.80-81].

Dựa theo quan điểm của các nhà kinh tế học trước đây về học thuyết giá trị - lao động, Các Mác đã hệ thống, chọn lọc các yếu tố phù hợp để xây dựng nên học thuyết giá trị - lao động một cách đầy đủ và chuẩn xác hơn bằng việc khảo sát và phân tích hàng hóa dựa trên mối quan hệ cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trên các mặt bản chất đại lượng, hình thái biểu hiện và quy luật tác động.

II. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ BIỂU HIỆN CỦA KINH TẾ THỊ TRƯỜNG:

1. Kinh tế thị trường:

1.1. Khái niệm:

Nền kinh tế thị trường là nền kinh tế được vận hành theo cơ chế thị trường. Đó là nền kinh tế hàng hóa phát triển cao, ở đó mọi quan hệ sản xuất và trao đổi đều được thông qua thị trường, chịu sự tác động của các quy luật thị trường.

Kinh tế thị trường có sự hình thành khách quan và nó đã trải qua những trình độ phát triển khác nhau. Như vậy, nền kinh tế thị trường là một sản phẩm văn minh nhân loại.

1.2. Các đặc điểm của nền kinh tế thị trường:

Thứ nhất, sự đa dạng của các chủ thể kinh tế, nhiều hình thức sở hữu. Các chủ thể bình đẳng trước pháp luật, có tính tự chủ cao, tự quyết định lấy hoạt động của mình.

Thứ hai, nền kinh tế thị trường hoạt động được là nhờ vào sự điều tiết của cơ chế thị trường. Thị trường sẽ đóng vai trò quyết định trong việc phân bổ các nguồn lực xã hội thông qua các hoạt động của thị trường bộ phận .

Thứ ba, giá cả được hình thành theo nguyên tắc thị trường. Không một chủ thể kinh tế nào quyết định được giá cả. Giá của một mặt hàng được quyết định bởi cung và cầu của thị trường.

Thứ tư, tính phong phú của hàng hóa. Do các chủ thể kinh tế đều tự quyết định lấy hoạt động của mình nên bất cứ hàng hoá nào có nhu cầu thì sẽ có người sản xuất. Mà nhu cầu của con người thì vô cùng phong phú, điều này tạo nên sự phong phú của hàng hoá trong nền kinh tế thị trường.

Thứ năm, cạnh tranh là tất yếu trong kinh tế thị trường. Hàng hoá nào có nhu cầu lớn thì sẽ có nhiều người sản xuất. Khi có quá nhiều người cùng sản xuất một mặt hàng thì sự cạnh tranh là tất yếu. Kinh tế thị trường là một hệ thống kinh tế mở, trong đó có sự giao lưu rộng rãi không chỉ trong thị trường một nước mà còn gắn liền với thị trường quốc tế.

Trên đây là một số đặc điểm mang tính phổ biến của nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên tùy thuộc vào điều kiện lịch sử, chính trị xã hội của từng đất nước mà nó lại có những đặc điểm khác nhau.

2. Sự biểu hiện của quy luật giá trị trong nền kinh tế thị trường:

Quy luật giá trị biểu hiện hoạt động thông qua sự biến động của giá cả trên thị trường. Qua quá trình trao đổi, giá trị được biểu hiện ra bên ngoài qua tiền. Giá trị chính là nhân tố cốt lõi của giá cả hàng hóa. Ngoài ra, giá cả hàng hóa trên thị trường còn phụ thuộc vào cung cầu, cạnh tranh, sức mua của đồng tiền. Cạnh tranh thường làm giá cả hàng hóa giảm đi một cách khoa học theo kinh tế chính trị. Người sản xuất phải tận dụng triệt để tư liệu sản xuất, để tăng năng suất lao động, từ đó lượng giá trị hàng hóa và giá cả giảm. Tuy nhiên, cạnh tranh cũng làm cho người sản xuất phải đầu tư hơn về mẫu mã, bao bì, quảng cáo. Điều này làm cho giá cả tăng lên. Như vậy người sản xuất phải tuân theo mệnh lệnh của giá cả sản xuất trên thị trường. Cơ chế hoạt động của quy luật giá trị là sự dao động lên xuống xung quanh trục giá trị của giá cả hàng hóa theo biểu đồ hình sin. Tiếp theo đây, ta sẽ tìm hiểu rõ hơn về biểu hiện của quy luật

giá trị trong kinh tế thị trường trên một số khía cạnh.

2.1. Trong lĩnh vực sản xuất:

Thứ nhất, đối với việc hoạch toán kinh tế của các doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường ở nước ta, mỗi doanh nghiệp là người sản xuất hàng hóa cạnh tranh gay gắt với nhau, để đứng vững được trên thị trường, chiến thắng đối thủ cạnh tranh thì họ phải tính đến hiệu quả sản xuất kinh doanh thông qua các hình thức giá trị, giá cả, lợi nhuận, chi phí... Để có lợi nhuận, các doanh nghiệp phải tìm cách hạ thấp chi phí sản xuất bằng cách hợp lý hóa sản xuất, tiết kiệm chi phí vật chất, tăng năng suất lao động... Để làm được điều đó, doanh nghiệp phải nắm vững và vận dụng tốt quy luật giá trị trong hoạch toán kinh tế, sản xuất giá trị cá biệt của từng doanh nghiệp phải nhỏ hơn hoặc bằng giá trị xã hội.

Nhà nước đã ra các chính sách để khuyến khích nâng cao trình độ chuyên môn. Mỗi doanh nghiệp phải cố gắng cải tiến máy móc, mẫu mã, nâng cao tay nghề lao động cho công nhân. Nếu không quy luật giá trị ở đây sẽ thực hiện vai trò đào thải: loại bỏ những cái kém hiệu quả, kích thích các cá nhân, ngành, doanh nghiệp phát huy tính hiệu quả. Tất yếu điều đó dẫn đến sự phát triển của lực lượng sản xuất trong đó đội ngũ lao động có tay nghề chuyên môn cao ngày càng tăng, công cụ, trang thiết bị lao động ngày càng cải tiến.

Thứ hai, đối với việc hình thành giá cả sản xuất.

Thời kỳ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, tất cả giá cả các mặt hàng đều do Chính phủ kiểm soát. Sau năm 1986, nền kinh tế nước ta chuyển sang sản xuất hàng hóa thì giá cả là do thị trường quyết định. Nhà nước ta cũng xác định, thời kỳ này giá cả phải vận dụng tổng hợp các quy luật, trong đó quy luật giá trị có tác động trực tiếp. Giá cả phải do giá trị quyết định. Tuy nhiên, trên thực tế giá cả hàng hóa chịu tác động của nhiều yếu tố như cung - cầu, cạnh tranh, sức mua đồng tiền, giá các mặt hàng liên quan... không thể giữ giá theo ý muốn chủ quan của Nhà nước. Qua đây cho ta thấy ngay trong Nhà nước cũng đã nhận ra được vai trò quan trọng của quy luật giá trị trong việc hình thành giá cả trong nền kinh tế thị trường.

2.2. Trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa:

Trong lĩnh vực lưu thông, quy luật giá trị yêu cầu trao đổi phải theo nguyên tắc ngang giá, tức giá cả bằng giá trị. Thông qua sự biến động về giá cả trên thị trường, luồng hàng hóa sẽ lưu thông từ đó tạo sự cân đối về nguồn hàng giữa các vùng miền.

Đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam, thông qua hệ thống giá cả quy luật giá trị có ảnh hưởng nhất định đến việc lưu thông của một hàng hóa nào đó. Giá mua cao sẽ khơi thêm nguồn hàng, giá bán hạ sẽ thúc đẩy mạnh việc tiêu thụ và ngược lại. Do đó mà Nhà nước ta đã vận dụng vào việc định giá cả sát giá trị, xoay quanh giá trị để kích thích cải tiến kỹ thuật, tăng cường quản lý. Không những thế Nhà nước ta còn chủ động tách giá cả khỏi giá trị với từng loại hàng hóa trong từng thời kỳ nhất định, lợi dụng sự chênh lệch giữa giá cả và giá trị để điều

tiết một phần sản xuất và lưu thông, điều chỉnh cung cầu và phân phối. Giá cả được coi là một công cụ kinh tế quan trọng để kế hoạch hóa sự tiêu dùng của xã hội.

Ví dụ: Giá cả của sản phẩm công nghiệp nặng lại đặt thấp hơn giá trị để khuyến khích sự đầu tư phát triển, áp dụng kỹ thuật vào sản xuất. Tuy nhiên, sự điều chỉnh này ở nước ta không phải bao giờ cũng phát huy tác dụng tích cực, nhiều khi những chính sách này lại làm cho giá cả bất ổn, tạo điều kiện cho hàng hóa nước ngoài tràn vào nước ta do giá cả hợp lý hơn.

Bên cạnh những tác động tích cực thì còn có những hạn chế. Do chạy theo lợi nhuận, do tính cạnh tranh cao trong nền kinh tế nên xuất hiện tình trạng gian lận trong buôn bán, hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng xuất hiện tràn lan trên thị trường... Ở Việt Nam, theo đánh giá của cơ quan chức năng, hàng giả, hàng nhái đang len lỏi vào thị trường một cách công khai. Thực trạng hàng giả hàng nhái hiện nay là một vấn nạn xã hội chưa hề có dấu hiệu thuyên giảm, thậm chí đang ngày một gia tăng. Thị trường mỹ phẩm ở Việt Nam là một ví dụ điển hình cho hiện tượng này. Có rất nhiều sản phẩm hàng giả, hàng nhái được bày bán trôi nổi trên thị trường, gây hoang mang cho người tiêu dùng. Nhiều sản phẩm mỹ phẩm của nước ngoài chưa hề được công bố cũng đã được bán tại nhiều chuỗi cửa hàng của Việt Nam trong đó có cả những chuỗi cửa hàng danh tiếng.

Từ những hạn chế đó, Nhà nước với vai trò quản lý vĩ mô nền kinh tế cần đưa ra những chính sách thiết thực, hiệu quả để khắc phục những hạn chế, đồng thời phát huy mặt tích cực.

2.3. Nguồn nhân lực:

Nguồn nhân lực là nguồn tài sản chính của đất nước trong quá trình phát triển kinh tế hiện nay. Chi phí lương thấp cũng trở thành một trong những thế mạnh của Việt Nam hiện nay. Chính sự gia tăng nhanh chóng trong quá trình kinh doanh đi liền với sự cải cách gây ra sự tăng vọt về cầu lao động trong nền kinh tế hiện nay. Hiện tượng này dẫn đến sự di chuyển kép: di chuyển về nghề nghiệp từ nông nghiệp đến công nghiệp, dịch vụ; di chuyển về địa lý từ nông thôn ra đô thị. Và trong tình trạng dư thừa nguồn nhân lực vẫn còn phổ biến thì tình trạng luân chuyển quá mức thì những lao động có trình độ, tay nghề, chuyên môn cao chính là vấn đề của doanh nghiệp. Bởi thế mà nhà nước cần có các chính sách khuyến khích, động viên như điều tiết các xí nghiệp về các vùng nông thôn, mở các lớp đào tạo chuyên môn cho các công nhân,....

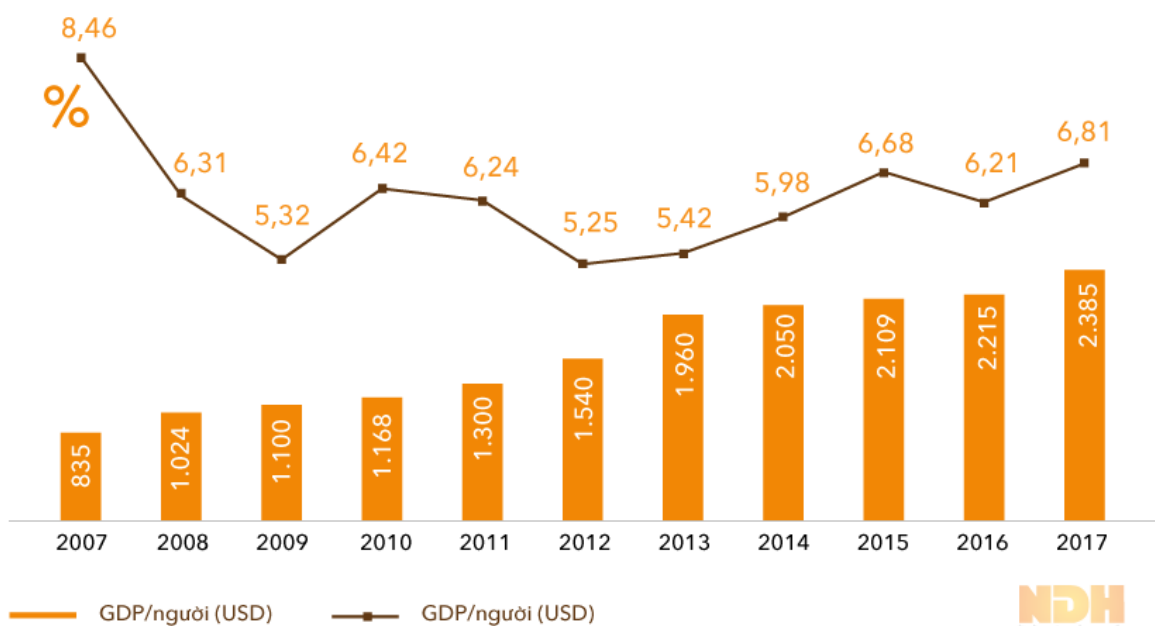
2.4. Vốn và cơ sở hạ tầng:

Cơ sở vật chất kỹ thuật là yếu tố vật chất hữu hình quan trọng phục vụ cho quá trình sản xuất. Cơ sở, vật chất, công nghệ hiện đại góp phần làm giảm chi phí sản xuất ra một đơn vị hàng hóa hay giảm đáng kể được hao phí lao động cá biệt nếu chủ thể nào tham gia vào quá trình sản xuất mà công nghệ sản xuất lạc hậu, thiếu cơ sở vật

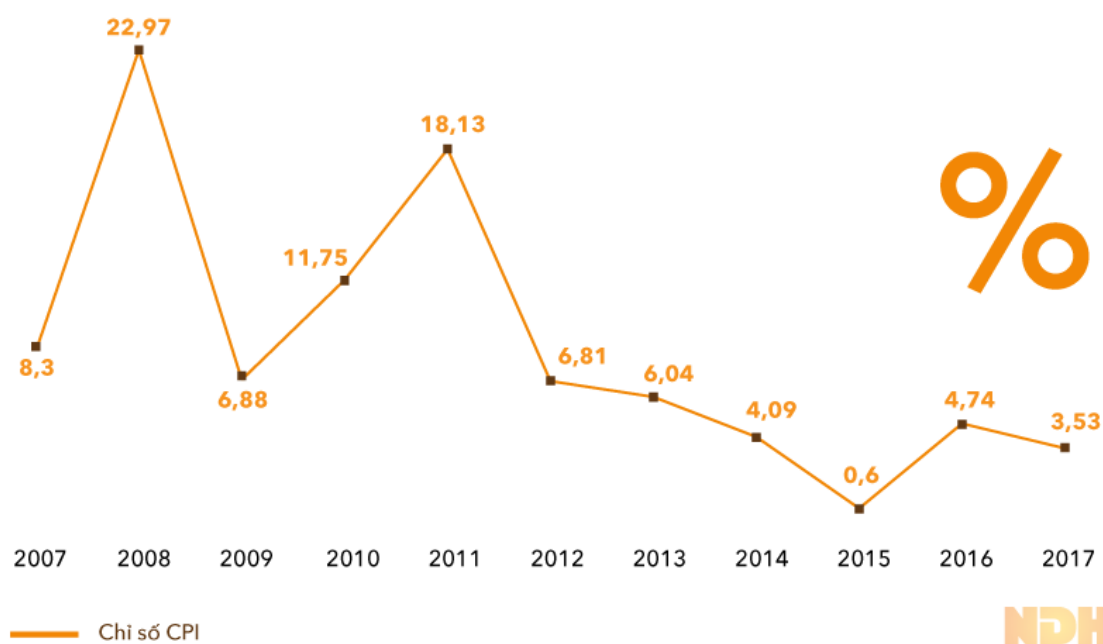
chất sẽ làm gia tăng hao phí lao động cá biệt.

Trong những năm gần đây việc phát triển cơ sở hạ tầng của nước ta ngày càng cải cách và có tiến bộ vượt bậc. Theo thống kê năm 2017, Việt Nam nằm trong nhóm các nước dẫn đầu về đầu tư cơ sở hạ tầng, chiếm khoảng 5.7% GDP trong những năm gần đây. Trong đó, tăng trưởng kinh tế với tốc độ khá cao trong khu vực và trên thế giới. Năm 2017, tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 6,81%, cao nhất trong 10 năm trở lại đây. Lạm phát được kiểm soát tốt giúp kinh tế vĩ mô phát triển ổn định.

Tăng trưởng GDP và GDP/người qua các năm



Chỉ số CPI qua các năm



III. NHỮNG BIỆN PHÁP VẬN DỤNG HIỆU QUẢ QUY LUẬT GIÁ TRỊ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG:

Thứ nhất, điều tiết không chế quản lý vĩ mô đồng thời có sự giám sát của xã hội, nhằm khắc phục nhược điểm và mặt tiêu cực của thị trường. Muốn thế nhà nước cần có những giải pháp như: Hoạch định chính sách ngành nghề dài hạn cho nền kinh tế quốc dân; thực hiện quản lý, giám sát và bảo vệ trật tự thị trường; hoạch định chính sách thu nhập, điều tiết phân phối thu nhập ...

Thứ 2, nâng cao sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới. Nước ta cần hội nhập các tổ chức kinh tế trong khu vực và thế giới. Vì vậy cần phải nâng cao sức cạnh tranh trên mọi lĩnh vực. Bao gồm 3 yếu tố: khả năng cạnh tranh của từng mặt hàng dịch vụ, khả năng cạnh tranh của quốc gia và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp. Muốn nâng cao sức cạnh tranh cần đầu tư vào nghiên cứu, ứng dụng và triển khai khoa học công nghệ. Bởi vì đầu tư vào khoa học công nghệ làm giảm chi phí cá biệt tăng năng suất lao động, từ đó tăng khả năng cạnh tranh. Mặt khác kích thích việc nghiên cứu khoa học công nghệ bằng nhiều cách như: đầu tư về trang thiết bị, xây dựng văn bản pháp luật về "bảo hộ sở hữu trí tuệ" ... Sau 15 năm gia nhập WTO- tổ chức thương mại thế giới, Việt Nam đã tiến một bước dài trên con đường hội nhập quốc tế. Kinh tế Việt Nam được ví như một con tàu ra “biển lớn”. Đến nay, Việt Nam đã tham gia và đang đàm phán 17 hiệp định thương mại tự do, trong đó có 15 hiệp định thương mại tự do đã ký kết, có hiệu lực và 2 hiệp định thương mại tự do đang đàm phán⁽¹⁾. Các hiệp định thương mại tự do đã đưa Việt Nam trở thành một nền kinh tế có độ mở lớn (200% GDP).

Thứ 3, giảm bất bình đẳng xã hội, giải quyết mâu thuẫn giữa hiệu quả và công bằng. Về mặt khách quan bộ phận dân cư cần được hỗ trợ của các chính sách xã hội được chia thành hai phần. Phần dân cư chịu sự thiệt thòi tự nhiên so với phần còn lại do họ bị khiếm khuyết mặt nào đó trong năng lực cá nhân và do đó thường xuyên có thu nhập thấp. Đó chủ yếu là người tàn tật, thương binh, gia đình chính sách, các dân tộc thiểu số có trình độ văn hoá thấp. Phần còn lại bao gồm những cá nhân gặp khó khăn về thu nhập không thường xuyên do biến động của kinh tế, chính trị, chiến tranh và thiên tai. Bộ phận này luôn thay đổi theo tình hình phát triển kinh tế của đất nước. Nhìn chung gánh nặng phúc lợi xã hội của nước ta khá lớn do hậu quả chiến tranh kéo dài do điều kiện kinh tế xã hội quá thấp và do tốc độ tăng dân số quá nhanh trong khi đất đai, tài nguyên của nước ta không giàu có lắm. Chính phủ không thể không gánh vác vấn đề này. Để giải quyết nó chính phủ cần xây dựng phát huy các chính sách như: tạo ra cơ hội có việc làm, mở các trường dạy nghề, giúp đỡ gia đình neo đơn khó khăn. Đóng thuế thu nhập cá nhân, gây dựng quỹ phúc lợi xã hội. Hiện nay việc giải quyết chế độ cho người thất nghiệp ở Việt Nam còn khá tự phát và lộn xộn tùy thuộc chủ yếu vào năng lực tài chính của doanh nghiệp, vào chế độ lương và việc làm của nhà nước trong từng thời kỳ, vào chính sách đào tạo của nhà nước cũng như nhiều yếu tố khác. Chính vì chưa có đường hướng rõ ràng về vấn đề này, nên công tác xử lý lao động dôi dư ở các doanh nghiệp cổ phần hoá gặp không ít khó khăn. Về lâu dài, nhà nước cần phải có chính sách rõ ràng, nhằm vừa tạo điều kiện vận hành kinh tế một cách có hiệu quả, vừa ổn định xã hội.

Thứ tư, quan tâm đầu tư hơn nữa đối với giáo dục để nâng cao trình độ kiến thức cho toàn dân, đào tạo ra nguồn nhân lực có trình độ, tay nghề, chuyên môn cao hơn. Từ đó giúp nhà sản xuất dễ dàng hơn trong việc giảm giá trị cá biệt của hàng hóa so với giá trị xã hội, có khả năng giành ưu thế trong cạnh tranh với đối thủ. Ta cần đưa ra các giải pháp đối với giáo dục như tạo một sự tiếp cận công bằng hơn đến với dịch vụ giáo dục, nâng cao chất lượng và tính thiết thực của giáo dục, học đi đôi với hành, đồng thời ngăn chặn tình trạng “chảy máu chất xám”.

Tóm lại, quy luật giá trị sẽ có những tác động tiêu cực tới nền kinh tế như phân hóa giàu nghèo. Tuy nhiên, nó không đáng kể so với vai trò của nó. Những giải pháp ở trên đã phân nào giúp khắc phục và kiểm soát những tác động tiêu cực như sự phân hóa giàu nghèo của kinh tế thị trường, đưa nền kinh tế đất nước ngày càng phát triển hơn.

PHẦN KẾT LUẬN

Trên cơ sở phân tích quy luật giá trị và biểu hiện của nó trong nền kinh tế thị trường, chúng ta có thể thấy được vai trò và phạm vi ảnh hưởng của quy luật giá trị đối với nền kinh tế của Việt Nam. Đây cũng là một quy luật kinh tế có vai trò quan trọng đối với sự hình thành và phát triển nền kinh tế của nước ta trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Quy luật giá trị là quy luật cơ bản và chi phối nền kinh tế hàng hóa, đồng thời những tác động của nó đến nền kinh tế hàng hóa có ý nghĩa lý luận và thực tiễn hết sức to lớn. Qua đây, chúng ta cũng có thể thấy, việc vận dụng các quy luật kinh tế, đặc biệt là quy luật giá trị vào việc xây dựng các kế hoạch của nhà nước là rất quan trọng. Đảng và nhà nước ta đã nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của việc đổi mới xã hội và vận dụng quy luật giá trị vào nền kinh tế đất nước. Việc tuân theo nội dung của quy luật giá trị để hình thành và xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã đạt được những thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, sự vận dụng đó vẫn còn những hạn chế nhất định và rất cần phải thực hiện các biện pháp kịp thời để khắc phục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình kinh tế chính trị Mác- Lênin (Dành cho bậc đại học- không chuyên lí luận chính trị) (2019) – Bộ Giáo dục và Đào tạo – Chủ biên: PGS.TS Ngô Tuấn Nghĩa.
2. Các Mác (1976), *bộ Tư bản*, Quyển 1, Tập 1, Nxb. Sự thật – Hà Nội.
3. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam (2021) – PGS.TS. Đặng Quang Định.

<https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/823673/mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-ve-nen-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-o-viet-nam.aspx>

4. Sự phát triển học thuyết giá trị- lao động trước Mác và sự hoàn thiện của Mác- Nguyễn Phước Tài, Tống Hoàng Huân.

https://truongchinhtri.dongthap.gov.vn/chi-tiet-bai-viet/-/asset_publisher/1mOzUrGkrdAE/content/id/5126287#:~:text=William%20Petty%20%C3%A0%20ng%C6%B0%E1%BB%9D%20%C4%91%E1%BA%A7u,ph%E1%BB%A5%20thu%E1%BB%99c%20v%C3%A0%20t%E1%BB%B1%20nh%C3%AAn.

5. Lý luận quy luật giá trị của C.Mác và sự vận dụng quy luật giá trị vào phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam (2018) – Th.s Trần Thị Hương.

<http://truongchinhtrinhphutho.gov.vn/khoa-ly-luan-mac-lenin-tu-tuong-ho-chi-minh/ly-luan-quy-luat-gia-tri-cua-c.mac-va-su-van-dung-quy-luat-gia-tri-vao-phat-trien-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-o-viet-nam.html>

6. Xuất, nhập khẩu của Việt Nam sau khi gia nhập WTO- một chặng đường nhìn lại. (2021) – TS. Phạm Vĩnh Thắng, TS. Doãn Công Khánh.

<https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/824285/xuat%2C-nhap-khau-cua-viet-nam-sau-khi-gia-nhap-wto---mot-chang-duong-nhin-lai.aspx>

7. <https://luanvan2s.com/quy-luat-gia-tri-la-gi-bid292.html>

8. <https://tailieu.vn/doc/giai-phap-van-dung-quy-luat-gia-tri-vao-nen-kinh-te-viet-nam-3-728624.html>

